CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS 16 MỤC GHS) — Viper 50EC (Viper 500EC)

Bản chuẩn hóa tiếng Việt đối chiếu từ Hồ sơ công bố NSX & Số ĐKLH Bộ Y tế: VNDP-HC-580-12-19

SAH-APR-PCS-07
TT 32/2017/TT-BCT

Cơ sở pháp lý & Dữ liệu tham chiếu: Biên soạn đủ 16 mục theo Phụ lục 9 **Thông tư 32/2017/TT-BCT** và **Nghị định 91/2016/NĐ-CP** từ thông số nhãn gốc lưu hành của Nhà sản xuất (**Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam (VIPESCO), 102 Nguyễn Đình Chiểu, Q.1, TP.HCM**), Số ĐKLH Bộ Y tế `VNDP-HC-580-12-19 (Bộ Y tế – Cục Quản lý Môi trường Y tế, xác thực trên nhãn sau chai)` và tài liệu độc tính chuẩn quốc tế của hoạt chất gốc **Permethrin (CAS 52645-53-1)**.

1. Nhận dạng hóa chất & Nhà cung cấp	Tên sản phẩm: **Viper 50EC (Viper 500EC)** • Chế phẩm diệt ruồi, muỗi trong gia dụng và y tế • Số ĐKLH Bộ Y tế: `VNDP-HC-580-12-19` • Đơn vị đăng ký & sản xuất: Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam (VIPESCO), 102 Nguyễn Đình Chiểu, Q.1, TP.HCM (ĐT: 028 3825 8853).
2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm	Phân loại GHS: Chất lỏng dễ cháy Cấp 3 (H226), Độc cấp tính đường miệng/hít Cấp 4 (H302/H332), Nhạy cảm da Cấp 1 (H317), Nguy hại thủy sinh cấp tính & mãn tính Cấp 1 (H400/H410). Từ cảnh báo: **Cảnh báo (Warning)**. Rất độc đối với cá, ong và sinh vật thủy sinh.
3. Thông tin về thành phần	Hoạt chất chính: **Permethrin** (C21H20Cl2O3, Số CAS: `52645-53-1`) hàm lượng **50% w/v** (500 g/L); phụ gia nhũ hóa và dung môi hydrocarbon thơm vừa đủ 100%.
4. Biện pháp sơ cứu về y tế	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị theo triệu chứng). Mắt: Giữ mí mở, rửa ngay dưới vòi nước sạch ≥ 15 phút. Da: Cởi quần áo nhiễm, rửa kỹ bằng xà phòng & nước. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí, theo dõi hô hấp. Nuốt phải: KHÔNG tự gây nôn (nguy cơ sặc dung môi), đưa ngay tới cơ sở y tế kèm nhãn chai Viper 500EC.
5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn	Sản phẩm cháy phân hủy tạo khí độc HCl, CO, CO2. Chất chữa cháy thích hợp: Bọt foam, bột hóa chất khô, khí CO2, phun sương nước làm mát bình chứa (tránh phun tia nước áp lực cao làm lan dầu). Trang bị quần áo chống cháy & mặt nạ dưỡng khí.
6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố	Loại bỏ nguồn lửa/tia lửa. Mang đầy đủ PPE. Ngăn chảy vào cống rãnh, kênh mương, nguồn nước mặt. Thấm hút chất lỏng tràn đổ bằng cát khô, đất hoặc vật liệu thấm trơ; thu gom vào thùng kín dán nhãn chất thải nguy hại.
7. Yêu cầu về cất giữ, bảo quản	Bảo quản trong bao bì nguyên gốc kín nắp tại kho thoáng mát, khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp và nguồn nhiệt. Kho lưu riêng có khóa 2 lớp, xa tầm tay trẻ em, thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Hạn dùng 02 năm.
8. Kiểm soát phơi nhiễm & Bảo vệ cá nhân	Làm việc nơi thông thoáng (tối ưu ngoài giờ làm việc). PPE bắt buộc: Kính bảo hộ chống văng bắn, khẩu trang/mặt nạ lọc hơi hữu cơ, găng tay cao su/Nitrile chịu dung môi, quần áo bảo hộ dài tay, ủng cao su. Tắm rửa sạch sau ca phun.
9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất	Trạng thái: Chất lỏng nhũ dầu (EC) màu vàng nhạt • Mùi: Mùi dung môi đặc trưng • pH dung dịch pha: 4,0–6,5 • Điểm chớp cháy: ~44–50°C • Tỷ trọng: ~1,04 g/cm³ • Độ tan: Phân tán tạo nhũ trắng trong nước.
10. Mức ổn định & Khả năng phản ứng	Ổn định ở điều kiện bảo quản thường. Tránh chất oxy hóa mạnh, kiềm mạnh/axit mạnh và nhiệt độ cao. Không tự trùng hợp nguy hiểm.
11. Thông tin về độc tính	Độc tính hoạt chất Permethrin kỹ thuật: LD50 đường miệng (chuột) 383–2.000 mg/kg; LD50 qua da > 2.000 mg/kg. Có thể gây kích ứng mắt, đường hô hấp và dị cảm da nhẹ thoáng qua khi tiếp xúc trực tiếp.
12. Thông tin về sinh thái	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh và ong (Permethrin LC50 cá 96h ~0,62 µg/L; Daphnia magna EC50 ~0,62 µg/L). Tuyệt đối không rửa bình phun hoặc đổ thuốc thừa ra ao hồ, sông suối, cống thoát nước.
13. Yêu cầu trong việc thải bỏ	Bao bì đã dùng và chế phẩm dư thừa phân loại là Chất thải nguy hại theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT & Luật BVMT 2020; thu gom giao đơn vị có chức năng xử lý. Tuyệt đối không tái sử dụng vỏ chai.
14. Yêu cầu trong vận chuyển	Số UN: **UN 3082** (Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s. — chứa Permethrin), Loại 9, Nhóm đóng gói III (hoặc UN 1993 nếu điểm chớp cháy < 60°C). Tuân thủ Nghị định quy định vận chuyển hàng nguy hiểm.
15. Quy chuẩn kỹ thuật & Pháp luật tuân thủ	Tuân thủ Nghị định 91/2016/NĐ-CP và Nghị định 129/2024/NĐ-CP về quản lý chế phẩm diệt côn trùng gia dụng và y tế; Thông tư 32/2017/TT-BCT; Nghị định 43/2017/NĐ-CP & 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
16. Thông tin cần thiết khác	Nguồn dữ liệu: Hồ sơ công bố VIPESCO (`vipesco.com.vn`), Nhãn chai thực tế Viper 500EC (ĐKLH `VNDP-HC-580-12-19`) và dữ liệu độc tính Permethrin 50% EC. Thời gian cách ly: tối thiểu 30 phút (SONGANHHYG áp dụng 45–60 phút).